

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/05/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P10+P9+P5	7:25	16+6	0+0		14+7+1	0+0	NGUOI NHA P5
2		TD3+TD5+RP3	7:25	15+5+1	0+0+0		14+2+6	0+0+0	
3		TD5+RCDM+RC4	9:25	18+1+0	0+0+0		19+1+0	0+0+0	chuyen 2 rcdm- rc4
4		BK15+P11+P2	9:25	4+18+0	0+0+0		0+15+7	0+0+0	
5		TD3+P2	11:25	11+10	0+0		8+14	0+0	
6		BK3+P2	11:25	10+11	0+0		4+18	0+0	
7		P9+P11	13:25	20+2	0+0		17+5	0+0	
8		BK10+P10	13:25	11+11	0+0		4+18	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2025	TO: P10 - P9 - P5	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VIỆT - SON - NNAM	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN DUY HA	P10	90-91	2	14			83	KH-THAC	Vietnamese
2	IALIMIDI	P10	92	1	8			114	KH-THAC	Russian
3	TRAN VAN THANG	P10	87	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN QUOC KHANH	P10	98	1	11			68	KH-THAC	Vietnamese
5	VU ĐANG HOANG	P10	88	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐO LỆNH ĐẠO	P10	97	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN LE MINH TUAN	P10	93-94	2	20			97	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN CAO TRI	P10	12	1	4			82	T-TIN	Vietnamese
9	NGUYEN HUỆ	P10	10-11	2	15			55	T-TIN	Vietnamese
10	BUI VAN THOAI	P10	96	1	5			69	YTE	Vietnamese
11	PHAM VAN HUONG	P10	89	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN THAO	P10						69	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM THANH DUNG	P10	95	1	5			88	KH-THAC	Vietnamese
14	LE THANH LIEM	P10	86	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN QUOC PHI	P10	99	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VU KIEN	P10	200	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN HOANG	P9	80	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
18	VU BA NEP	P9	83	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
19	VU NAM GIANG	P9	82	1	2	1	20	76	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VIET THANG	P9	81	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN VIET	P9	79	1	8			85	KH-THAC	Vietnamese
22	HO ĐỨC HIEN	P9	78	1	10			56	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	16	1.239	18	122	0	0	14		
2	P9	6	427	6	42	1	20	7		
3	P5	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	1.666	24	164	1	20	22		
WEIGHT KG			1.666		164		20			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2025	TO: TD3 - TD5 - RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VTHANG - HTRUNG - THANH	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN TRUNG HOA	TD3	87-88	2	15			77	KHOAN	Vietnamese
2	DO DUY CHINH	TD3	89-90	2	11			75	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN HUY THAI	TD3						78	KHOAN	Vietnamese
4	BUI CONG SON	TD3	96	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN ANH HUNG	TD3	300	1	2			68	KHOAN	Vietnamese
6	LE HONG VUONG	TD3	91-92	2	11			71	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN HAI NAM	TD3						68	KHOAN	Vietnamese
8	LE MANH THANG	TD3						73	KHOAN	Vietnamese
9	LUU VAN DIEP	TD3	93	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DUC THANG	TD3	85-86	2	17			73	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẠNG HUY LONG	TD3	94-95	2	7			64	KHOAN	Vietnamese
12	DO VAN QUANG	TD3	83-84	2	13			83	KHOAN	Vietnamese
13	BUI TIEN THANH	TD3	97	1	9			81	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN TRINH QUOC VUONG	TD3	98	1	14			74	KHOAN	Vietnamese
15	DANG VAN KHOA	TD3	99	1	11			67	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN NHU Y	TD5				3	60	82	KHOAN	Vietnamese
17	BAO NGUYEN LOC	TD5	02	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN PHUC	TD5	04	1	13	1	12	78	PHUC NGU	Vietnamese
19	PHAM VAN LUAN	TD5	03	1	6			62	KHOAN	Vietnamese
20	TRINH ANH TRUONG	TD5	01	1	3			70	KHOAN	Vietnamese
21	LUU HOANG	TD5	06	1	9			56	PHUC NGU	Vietnamese
22	LE QUANG HUY	RP3	68-69	2	15			72	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	15	1.094	18	118	0	0	14		
2	TD5	6	411	5	35	4	72	2		
3	RP3	1	72	2	15	0	0	6		
	TOTAL	22	1.577	25	168	4	72	22		
	WEIGHT KG		1.577		168		72			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2025	TO: TD5 - RCDM - RC4	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: QVIỆT - SON - NNAM	ETA: 11:40
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ ANH QUẢN	TD5	11-12	2	12	3	50	73	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC ĐOÀN	TD5	16-17	2	10			58	KHOAN	Vietnamese
3	ILIASHENKO D.A.	TD5	33	1	11			76	ANTOAN	Russian
4	TRẦN VIỆT PHƯƠNG	TD5	18-19	2	9			69	YTE	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HIẾN	TD5	28	1	7			65	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH HIỂU	TD5	15	1	6			81	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TRƯỜNG THIÊN	TD5	29	1	6			81	KHOAN	Vietnamese
8	FOK S.I.	TD5	25	1	8			127	KHOAN	Russian
9	IOV RUSLAN	TD5	24	1	7			73	KHOAN	Russian
10	HOANG VĂN KHAI	TD5	26	1	9			72	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM QUANG TRUNG	TD5	21	1	14			77	D-HANH	Vietnamese
12	NGÔ TRI HOANG	TD5	22	1	11			70	DVL	Vietnamese
13	VŨ ĐÌNH GIANG	TD5	13	1	13			65	PSV	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN DŨ	TD5	20	1	9			68	PSV	Vietnamese
15	LÊ NGUYỄN THANH NHAN	TD5	10	1	4			85	BLUE SEAF	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN HÙNG	TD5	14	1	10			86	BLUE SEAF	Vietnamese
17	SALIKHOV ARTUR	TD5	23	1	8			85	D-HANH	Russian
18	NGUYỄN VĂN THAI	TD5	27	1	7			83	KHOAN	Vietnamese
19	HOANG XUÂN HUY	RCDM	54-55	2	22	2	30	58	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	18	1.394	21	161	3	50	19		
2	RCDM	1	58	2	22	2	30	1 + 2		CHUYEN 2 PAX RCDM-RC4
3	RC4	0	0	0	0	1	15	0		
TOTAL		19	1.452	23	183	6	95	20		
WEIGHT KG			1.452		183		95			

GRAND TOAL: 1.730 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2025	TO: BK15 - P11	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: VTHANG - HTRUNG - THANH	ETA: 11:45
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU MINH ĐỨC	BK15	81-82	2	19	3	50	94	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN NAM THANG	BK15	83-84	2	20			100	KH-THAC	Vietnamese
3	LE VAN NGHI	BK15	87-88	2	16			65	KH-THAC	Vietnamese
4	LE VAN TIỆP	BK15	85-86	2	17			79	KH-THAC	Vietnamese
5	HUYNH CHANH PHAT	P11	37	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC TAN	P11	36	1	11			74	KH-THAC	Vietnamese
7	MIRSAYAPOV	P11	40	1	2			98	KH-THAC	Russian
8	MORDIASHOV	P11	41	1	2			80	KH-THAC	Russian
9	CHU MINH HUNG	P11	35	1	3			87	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TUONG	P11	52-53	2	14			63	YTE	Vietnamese
11	TRAN XUAN HINH	P11	39	1	7			88	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG BANG	P11	46-47	2	8			70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐAO THIEN THUAT	P11	48	1	5	1	3	62	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH THIEN TUNG	P11	38	1	13			76	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN TRONG ĐỨC	P11						69	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN CONG HUY	P11	49	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN LIEM	P11	42	1	9			66	KH-THAC	Vietnamese
18	LE SINH TAM	P11	43	1	7			96	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THANH TUNG	P11	45	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
20	LE VAN KIEU CANH	P11	50	1	6			73	PSV	Vietnamese
21	ĐAO VAN DAN	P11	51	1	9			67	PSV	Vietnamese
22	TRAN HUU VIET	P11	44	1	3			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK15	4	338	8	72	3	50	0		
2	P11	18	1.345	19	119	1	3	15		
TOTAL		22	1.683	27	191	4	53	15		
WEIGHT KG			1.683		191		53			

GRAND TOAL: 1.927 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2025	TO: TD3 - P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: KHOÀN - MTHAO - DTÙNG	ETA: 14:00
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DINH SY TUAN	TD3	72	1	9	1	10	73	KHOAN	Vietnamese
2	LAI CAO THANH	TD3	78	1	14			66	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN MINH PHUC	TD3	70-71	2	15			70	KHOAN	Vietnamese
4	TONG TRUNG HUY	TD3	82	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HOANG DAN	TD3	73	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH TUNG	TD3	81	1	14			81	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN HUU TRIET	TD3	74	1	8			68	DVL	Vietnamese
8	DO TRONG HIEN	TD3	68-69	2	16	3	50	74	DVL	Vietnamese
9	VO HOANG TIEN	TD3	80	1	18	1	12	79	XAYLAP	Vietnamese
10	NGO VAN MANH	TD3	75-76	2	18			63	XAYLAP	Vietnamese
11	HO VAN DUC	TD3	77	1	6			69	PSV	Vietnamese
12	HOANG DINH QUE	P2	19	1	5			87	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HONG	P2	11	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN DINH DAI	P2	20	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
15	TATRINOV	P2	13	1	2			78	ANTOAN	Russian
16	DINH BA HOANG NAM	P2	12	1	9			97	KH-THAC	Vietnamese
17	BIEN DANG SAM	P2	16	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THANH TUNG	P2	14	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
19	LE VO MANH CUONG	P2	18	1	12			74	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG MINH QUAN	P2	17	1	9			62	KH-THAC	Vietnamese
21	TO NGUYEN MINH KHOI	P2	15	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAXW	BAG.		PAX	CARGO		
				PCS	W				PCS
1	TD3	11	782	14	129	5	72	8	
2	P2	10	746	10	62	0	0	14	
	TOTAL	21	1.528	24	191	5	72	22	
	WEIGHT KG		1.528		191		72		

GRAND TOAL: 1.791 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2025	TO: BK3 - P2	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: LINH - NPHÚ - VŨ	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HỒ CÔNG ANH	BK3	58	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
2	LE CÔNG VINH	BK3	56	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
3	PHÙNG CÔNG DU	BK3	49-50	2	15			72	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯỜNG QUYẾT THẮNG	BK3	53	1	12			76	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN HIẾU	BK3	52	1	11			76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH LUÂN	BK3	54	1	10	1	10	58	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NHẬT KIM LONG	BK3	55	1	16			58	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC ANH	BK3	45	1	17			90	ANTOAN	Vietnamese
9	PHẠM HỒNG QUÂN	BK3	46-48	3	18			75	ANTOAN	Vietnamese
10	HỒ ĐÌNH LỘC	BK3	51	1	3			80	PSV	Vietnamese
11	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	08	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC MINH	P2	04-05	2	14			75	KH-THAC	Vietnamese
13	THAI HOANG TÂM	P2	10	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	03	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM THIÊN NAM	P2	09	1	2			72	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ HUY HÙNG	P2	11	1	9	1	10	67	KH-THAC	Vietnamese
17	HỒNG PHƯỚC SANG	P2	02	1	4			67	T-TIN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TOÀN	P2	01	1	10			80	T-TIN	Vietnamese
19	BUI THANH TÙNG	P2	06	1	7			65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK3	10	726	13	114	1	10	4		
2	P2	9	634	10	59	1	10	18		
	TOTAL	19	1.360	23	173	2	20	22		
	WEIGHT KG		1.360		173		20			

GRAND TOAL: 1.553 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2025	TO: P9 - P11	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: KHOÀN - MTHAO -	ETA: 16:20
XANH-4		DTUNG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAM VAN HIEN	P9	88	1	8			55	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN BA KY	P9						78	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN DUY	P9	79-80	2	8			68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN CONG LUAN	P9	96	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TUAN ANH	P9	83	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
6	LE LANG TU	P9	88	1	11			62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN MINH HIEN	P9	77	1	8			79	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HUY	P9	78	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
9	TRINH THE NHAN	P9	84	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM DUY PHUC	P9	86	1	6	2	30	68	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN DO CHAU TUAN	P9	97	1	18	2	34	104	KH-THAC	Vietnamese
12	DUONG CONG PHUNG	P9	85	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN DAT	P9	94-95	2	13			65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRINH HUY KHIEM	P9	82	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
15	HUA SAY	P9	91	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
16	DANG DUC HAI	P9	81	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
17	TRINH HUU CAN	P9	93	1	17			72	KH-THAC	Vietnamese
18	VO TRONG NHIEN	P9	87	1	15			59	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN GIA CUONG	P9	92	1	15			65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN QUOC HUNG	P9	90	1	14	1	10	95	KH-THAC	Vietnamese
21	LE VAN VIET	P11	55	1	5			79	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN QUOC TUAN	P11	56	1	5	5	94	73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAXW	BAG.		PAX	CARGO		
				PCS	W				PCS
1	P9	20	1.416	21	176	5	74	18	
2	P11	2	152	2	10	5	94	4	
	TOTAL	22	1.568	23	186	10	168	22	
	WEIGHT KG		1.568		186		168		

GRAND TOAL: 1.922 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2025	TO: BK10 - P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:35
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: LINH - NPHÚ - VŨ	ETA: 16:25
HONG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐẠO VĂN ĐỨC	BK10	44	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯỜNG THÈ VINH	BK10	46	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐOÀN NGỌC THƯƠNG	BK10	37	1	15	4	55	83	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN CHUÔNG	BK10	43	1	12			62	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	BK10	38-39	2	18			71	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ XUÂN TÂM	BK10	50	1	14			66	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN CÔNG HOÀN	BK10	47	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN KHAI	BK10	41	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGHIÊM XUÂN ANH	BK10	48-49	2	9			55	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ TUẤN VIỆT	BK10	42	1	11			68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THÈ HUY	BK10	40	1	12			81	CODIEN	Vietnamese
12	PHẠM TIÊN PHƯỢNG	P10	71	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ PHƯƠNG HƯƠNG	P10	73	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ TRƯỜNG THỊNH	P10	69-70	2	11			69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NAM	P10	74	1	10			98	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HUÂN	P10	76	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẦN BẢO TOÀN	P10	78-79	2	11			75	KH-THAC	Vietnamese
18	HUYNH CÔNG VĂN	P10	72	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ THANH DANH	P10	75	1	10			62	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN MINH TUẤN	P10	82	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG SỸ NGUYỄN	P10	77	1	8			81	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI SỸ LONG	P10	80	1	10	1	19	82	KHATHAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAXW	BAG.		PAX	CARGO		
				PCS	W				
1	BK10	11	766	13	121	4	55	4	
2	P10	11	825	13	87	1	19	18	
TOTAL		22	1.591	26	208	5	74	22	
WEIGHT KG			1.591		208		74		

GRAND TOAL: 1.873 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN